

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP. SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH

Năm 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

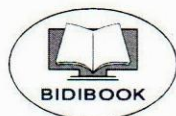
Công ty CP. Sách và Thiết bị Bình Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định theo Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định với mã số doanh nghiệp 4100259437 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/05/2020), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty là đơn vị thành viên của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là 29/01/2010

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.264.740.000 đồng tương ứng: 1.126.474 cổ phiếu.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **Bình Định Book and Equipment Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **BIDIBOOK**
- Địa chỉ: **219 Nguyễn Lữ, P. Ngô Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**
- Điện thoại: **0256.3522645 – 0256.3522453**
- Fax: **0256.3522853**
- Email : **bidisabico@vnn.vn**
- Website: **<http://www.sachthietbibinhdinhh.com.vn/>**
- Logo:



BIDIBOOK

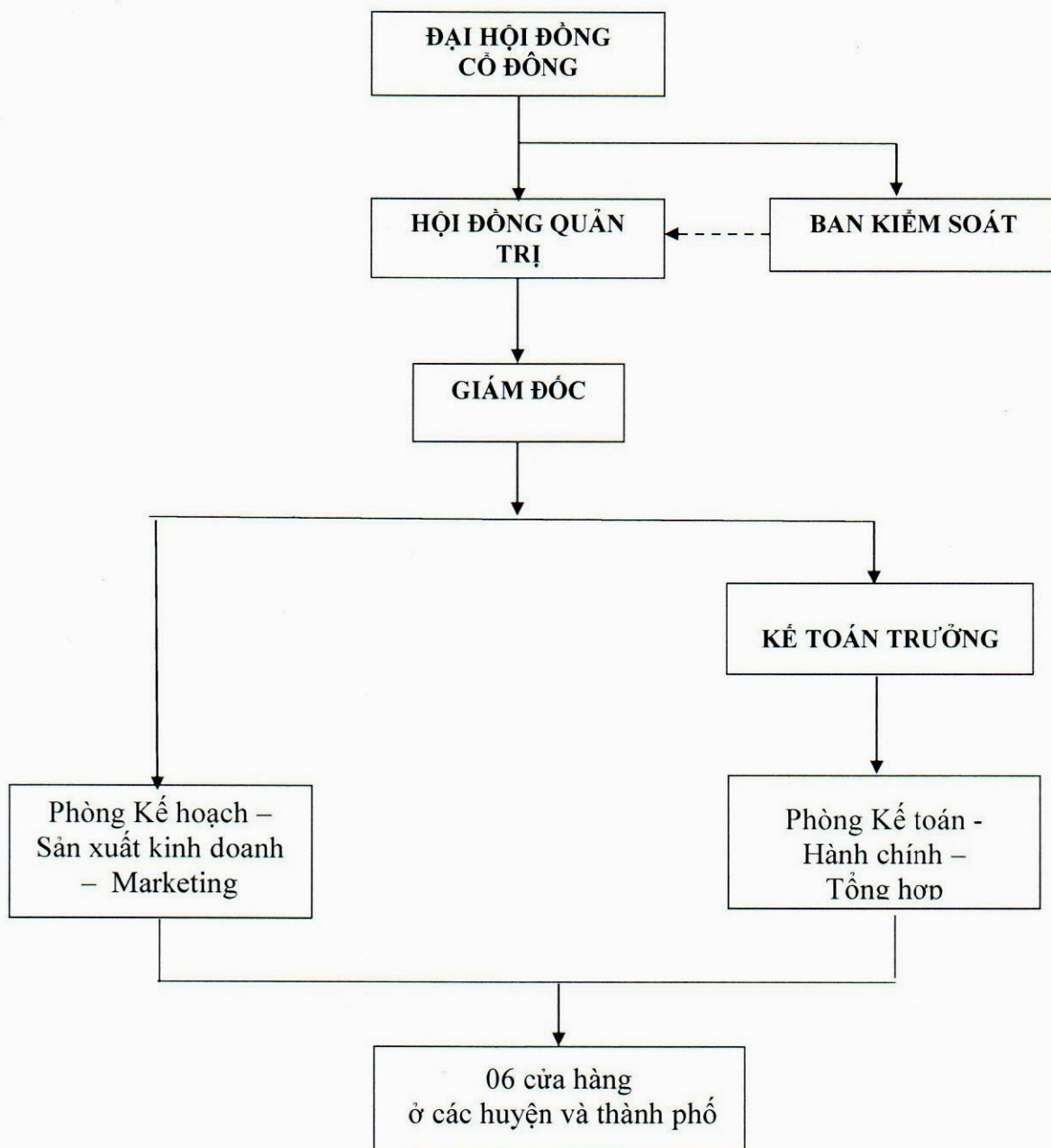
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hoá phẩm, vật phẩm văn hoá; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu .Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại.

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

+ Trụ sở chính của Công ty:

Trụ sở Công ty có diện tích gần 2.200m² tọa lạc tại thành phố Quy Nhơn – trung tâm tỉnh lỵ, Công ty có 6 cửa hàng bán sỉ – lẻ nằm tại trung tâm thành phố và phân bố đều tại trung tâm các huyện/thị xã của Tỉnh .

- Cơ cấu tổ chức của công ty :



- + Đại hội Đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- + Hội đồng quản trị : Gồm có 05 người.
- + Ban Kiểm soát : Gồm có 03 người.

+ Ban Giám đốc và Kế toán trưởng : Giám đốc và Kế toán trưởng.

+ Cơ cấu Công ty gồm :

- 02 phòng chức năng : Phòng Kế hoạch - SX KD – Marketing và phòng Kế toán – Hành chính – Tổng hợp;
- 06 cửa hàng được phân bố đều các huyện và thành phố

Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định là đơn vị hậu cần của ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện để đạt mục đích là lợi nhuận. Không ngừng mở rộng và phát triển các ngành nghề, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của ngành giáo dục và của xã hội, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường và đầu tư thích đáng về mọi mặt cho hoạt động tiếp thị để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao doanh thu, thu nhập;
- Bằng nhiều biện pháp, mở rộng hệ thống bán lẻ, nhà sách;
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Kết quả hoạt động SXKD trong năm .

Năm 2021, tình hình kinh tế nước ta nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19. Nhiều địa phương phải thực hiện cách ly theo Chỉ thị 16/CT-TTg, sản xuất kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động.

Nhận thức được tình hình trên, Công ty chủ động thực hiện mục tiêu kép đó là vừa SXKD vừa phòng, chống dịch an toàn để phục vụ tốt nhu cầu sách và thiết bị cho nhân dân trong toàn tỉnh. Sự cố gắng đó, năm 2021 công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	TH 2020 (1.000đ)	KH 2021 (1.000đ)	TH 2021 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2020	KH 2021
1- Tổng doanh thu	62.627.741	60.000.000	66.304.866	105,87	110,51
Trong đó: D.thu về bán hàng hóa, DV	62.032.400	59.560.000	65.522.365	105,63	110,01
2- Tổng chi phí	60.434.934	58.300.000	64.314.893	106,42	110,32
Trong đó: Giá vốn hàng bán	55.380.001	53.129.544	57.837.960	104,44	108,86
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	89,28	89,20	88,27	98,87	98,96
4- Lợi nhuận trước thuế	1.597.466	1.700.000	1.989.973	124,57	117,06

Năm qua, Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu đạt 110,51% so với kế hoạch, vượt 5,87% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế tăng 24,57% so với cùng kỳ, đạt 117,06 so với kế hoạch. Nguyên nhân:

- Giữ vững được thị trường tiêu thụ trong tỉnh, có cơ chế về chiết khấu bán hàng linh hoạt, phù hợp với thị trường từng thời điểm, từng khách hàng và phù hợp với chủ trương của NXBGD. Ngoài giá cả sách mới cao hơn giá sách hiện hành, Công ty còn thực hiện tốt cung ứng sách giáo khoa mới theo chương trình GDPT năm 2018 đến các trường trong toàn tỉnh, việc mở rộng thị trường bán hàng văn phòng phẩm, vở và máy tính CASIO đã làm cho doanh thu bán hàng của Công ty tăng so với kế hoạch đã đề ra.

- Công ty tiếp tục liên doanh, liên kết hoặc cho thuê một số mặt bằng để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và cơ sở vật chất.

- Tiết kiệm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Tổ chức và nhân sự

- Ban điều hành của Công ty : gồm 2 người

- Ông Phạm Đình Thuần - Giám đốc Công ty

- Bà Diệp Cẩm Nhung - Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

* Ông : **Phạm Đình Thuần** - Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty

Sinh ngày: 16 – 02 – 1964

Quê quán: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 11/4 Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 14.500 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

*** Bà: Diệp Cẩm Nhung** - Chức vụ : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Sinh ngày: 24 – 07 -1968

Quê quán: Xã Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định

Địa chỉ: 216 Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.896 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

+ Tổng số công nhân viên của Công ty hiện có đến tại thời điểm 31/12/2020 là 29 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương, thưởng trong toàn Công ty theo đúng quy định. Mức lương trả cho người lao động được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu trên địa bàn tỉnh. Mức thu nhập bình quân năm 2021 là 8.500.000d/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: (Không phát sinh).

4. Tình hình tài chính

* Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	TH 2020 (1.000d)	TH 2021 (1.000d)	% tăng giảm
1- Tổng giá trị tài sản	17.811.611	24.526.074	137,70
2- Doanh thu thuần	62.032.400	65.522.365	105,63
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.491.982	1.810.240	121,33
4- Lợi nhuận khác	105.484	179.733	170,39
5- Lợi nhuận trước thuế	1.597.466	1.989.973	124,57
6- Lợi nhuận sau thuế	1.365.087	1.573.474	115,27
7- Tỷ lệ trả cổ tức (%)	7,50	10,00	133,33

*** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

+	Khả năng thanh toán :	Năm 2020	Năm 2021
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	3,22	1,96
-	Hệ số T.toán nhanh [(TSNH – hàng tồn kho)/Nợ N.hạn]	1,94	0,75

*** Năng lực hoạt động**

-	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	3,48	2,55
-	Vòng quay hàng tồn kho	9,81	7,55

*** Cơ cấu tài sản**

-	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,76	0,82
-	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,24	0,18

*** Cơ cấu nguồn vốn**

+	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	0,24	0,43
+	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,76	0,57
+	Khả năng sinh lời :	Năm 2020	Năm 2021
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần :	0,022	0,024
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,11
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,077	0,064
-	Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	0,024	0,028

*** Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 26/02/2020	Số Cổ phần	Giá trị (1000đ)	Tỷ lệ
1- Cổ đông là Nhà nước (NXBGDVN)	452.523	4.525.230	40,17
2 – Cổ đông khác	673.951	6.739.510	59,83
- Tổ chức	302.150	3.021.500	26,82
- Cá nhân	371.801	3.718.010	33,57
3- Cổ đông nội bộ	16.896	168.960	1,50
- HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	16.396	163.960	1,46
- Ban Kiểm soát	500	5.000	0,04

* Tổng số cổ phiếu đến thời điểm 31/12/2021 : 1.126.474 cổ phiếu. Trong đó

- Tổng số cổ phiếu thường : 1.126.474 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : Không

* Tổng số trái phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2021 : Không (theo từng loại trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2021 là: 1.126.474 cổ phiếu.

* Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không

* Cổ tức : cổ tức công bố chia cho cổ đông là: 10,00%/năm, tương đương với số tiền là : 1.126.474.000đ

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, mặc dù tình hình kinh tế nước ta bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh covid-19. Nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CP-TTg, sản xuất kinh doanh phải ngừng hoạt động. Nhận thức được tình hình trên, Công ty chủ động thực hiện mục tiêu kép đó là vừa sản xuất kinh doanh, vừa phòng chống dịch an toàn, hiệu quả để phục vụ tốt nhu cầu sách và thiết bị cho nhân dân trong toàn tỉnh.

Nhờ sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng và Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm nhiều giải pháp để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Chi tiêu	TH 2020 (1.000đ)	KH 2021 (1.000đ)	TH 2021 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2020	TH 2021
1- Tổng doanh thu	62.627.741	60.000.000	66.304.866	105,87	110,51
Trg đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	62.032.400	59.560.000	65.522.365	105,63	110,01
2- Tổng chi phí	60.434.934	58.300.000	64.314.893	106,42	110,32
Trong đó: Giá vốn hàng bán	55.380.001	53.129.544	57.837.960	104,44	108,86
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	89,28	89	88	98,87	98,96
4- Lợi nhuận trước thuế	1.597.466	1.700.000	1.989.973	124,57	117,06
5- Lợi nhuận sau thuế	1.365.087	1.360.000	1.573.474	115,27	115,70

- Năm 2021, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chủ động tìm biện pháp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Thực hiện tốt cơ chế bán hàng sách giáo khoa, sách bài tập và giá bán văn phòng phẩm linh hoạt, phù hợp với thị trường từng thời điểm, từng khách hàng, chính vì vậy doanh thu năm 2021 vượt 10,51% so với kế hoạch và 5,87% so với cùng kỳ năm trước.

- Về lợi nhuận trước thuế: năm 2021 tăng 17,06% so kế hoạch và 24,57% so với năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng 15,70% so với kế hoạch và 15,27% so với năm trước.

Sử dụng vốn hợp lý, đem lại hiệu quả sử dụng vốn cao đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty

2. Tình hình tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT NĂM 2021:

TÀI SẢN	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	20.204.357.414	13.500.196.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	292.422.655	2.053.287.481
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.500.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.907.960.490	2.306.941.164
VI. Hàng tồn kho	12.441.214.874	5.122.183.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	62.759.395	17.783.606
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.321.717.078	4.311.415.028
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	3.840.958.114	4.165.283.158
Trong đó:		
1- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	674.629.191	901.557.963
+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình	5.593.238.150	5.668.238.150
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(4.918.608.959)	(4.766.680.187)
2 – Giá trị còn lại TSCĐ vô hình	3.166.328.923	3.263.725.195
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình	4.038.215.400	4.038.215.400
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(871.886.477)	(774.490.205)
3 – Chi phí XD CB dở dang		
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
IV. Tài sản dài hạn khác	480.758.964	146.131.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	24.526.074.492	17.811.611.210
C. NỢ PHẢI TRẢ	10.432.279.540	4.241.671.407
I. Nợ ngắn hạn	10.312.279.540	4.073.671.407
II. Nợ dài hạn	120.000.000	168.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.093.794.952	13.569.939.803
I. Vốn đầu tư chủ sở hữu	14.093.794.952	13.569.939.803
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	24.526.074.492	17.811.611.210

- Tổng tài sản cuối năm tăng so với đầu năm là 37,7%. Trong đó đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 37,5%; hàng tồn kho cuối năm tăng 142,89% và tài sản ngắn hạn khác tăng 49,65%, các tiêu chí còn lại đều giảm. Tình hình trên cho thấy - trong năm doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ. Tuy nhiên chưa làm tốt công tác quản trị hàng tồn kho. Nguyên nhân: Do dự trữ hàng trước khi tăng giá vào tháng 01 năm 2022 và sách mới theo chương trình GDPT năm 2018 tiêu thụ chưa hết, còn tồn kho; nếu công tác tiêu thụ trong năm 2022 không thuận lợi sẽ là nguy cơ làm tăng chi phí lãi vay.

- Tương tự như tài sản, nguồn vốn cuối năm tăng 37,7% so với đầu năm. Trong đó nợ phải trả cuối năm tăng 145,95%; vốn chủ sở hữu tăng 3,9%. Nguyên nhân: Lợi nhuận chưa phân phối 2021 tăng hơn so với 2020; việc nhập hàng hóa với số lượng lớn theo chương trình khuyến mãi của người cung cấp và trước khi tăng giá vào thời điểm cuối năm cũng như áp lực phải thanh toán đúng hạn nên đã làm tăng nợ phải trả.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

+Phương hướng chung.

- 1- Tiếp tục cung ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu về sách và thiết bị cho địa phương;
- 2- Tiếp tục thực hiện phương thức bán hàng đến các cơ sở giáo dục để tăng tỷ trọng bán lẻ, giảm tỷ trọng bán sỉ. Phấn đấu đến 31/12/2022 tồn kho ở mức khoảng 6,5 tỷ đồng, riêng sách và thiết bị lớp 4, lớp 8 và lớp 11 tồn kho ở mức $\leq 0,5\%$ trên tổng số nhập; dư nợ ở mức $\leq 1,7$ tỷ đồng, riêng cửa hàng $\leq 4\%$ trên doanh thu năm.
- 3- Thực hiện các giải pháp để giữ vững và nâng cao thị phần;
- 4- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NXBGDVN và phối hợp chặt chẽ với công ty đầu mối trong việc triển khai thực hiện các biện pháp phát hành sách mới theo CTGDPT năm 2018.
- 5- Giữ và phát huy hơn nữa mối quan hệ chặt chẽ với các phòng GD và ĐT, Sở GD và ĐT và các trường nhằm phát hành tốt sách mới theo CTGDPT năm 2018.
- 6- Khẩn trương nghiên cứu, tìm kiếm đối tác tốt nhất về cung ứng thiết bị lớp 3, lớp 7 và lớp 10 để tham gia đấu thầu cung ứng tại các phòng GD và ĐT và trường đạt kết quả;
- 7- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để khai thác triệt để lợi thế về mặt bằng Công ty; nhất là tại 219 Nguyễn Lữ TP. Quy Nhơn như: cho thuê; liên doanh, liên kết ,..., hoặc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để kinh doanh dịch vụ khác mà Nhà nước không cấm

+ Các chỉ tiêu kế hoạch 2021.

STT	Chỉ tiêu	TH 2021 (1.000đ)	KH 2022 (1.000đ)
01	Tổng doanh thu .	66.304.866	68.000.000
06	Lợi nhuận	1.959.973	1.750.000
07	Cổ tức (%)	10	10

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh Covid – 19 nhưng Công ty đã chủ động tìm biện pháp để vừa phòng, chống dịch, vừa tiến hành sản xuất kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD. Trong năm 2021 Công ty tiếp tục khai thác tốt các cơ sở vật chất hiện có, tiếp tục liên doanh, liên kết mở rộng kinh doanh. Sử dụng vốn hợp lý đã tạo nguồn vốn để đầu tư ngắn hạn đã góp phần làm tăng lợi nhuận .

Trong năm Ban Giám đốc Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty, không để ra sai phạm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; nộp ngân sách đầy đủ; thực hiện tốt chính sách cho người lao động; đảm bảo việc làm, nâng cao thu nhập, tạo điều kiện cho người lao động trong doanh nghiệp ổn định và đời sống; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác phúc lợi xã hội.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Nghiên cứu tìm giải pháp thích hợp để công tác tổ chức và triển khai thị trường không bị ảnh hưởng bởi tình trạng xâm lấn và phát hành trái tuyến, vấn nạn sách giả, sách in lậu ngày càng tinh vi và phức tạp;
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác dự báo, lập kế hoạch, bám sát thị trường và chủ động tạo nguồn cung ứng để nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu, giảm tỷ lệ hàng tồn kho;
- Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới bán lẻ thông qua các cửa hàng công ty và đến các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh;
- Tiếp tục tìm đối tác liên doanh, liên kết tận dụng lợi thế về cơ sở hiện có của công ty để nâng cao doanh thu, thu nhập;

- Có kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động và đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế cận.

V. Quản trị Công ty

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên. Trong đó có 03 thành viên là không tham gia trực tiếp điều hành. Ba thành viên này đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP. Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, 02 thành viên tham gia trực tiếp điều hành công ty.

+ Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Chức vụ	Cuối năm	
		Số CP	Tỷ lệ %
1	Chủ tịch	450.523	40,00
2	Phó Chủ tịch	15.500	1,38
3	Thành viên	291.950	25,92
4	Thành viên	1.000	0,09
5	Thành viên	1.896	0,17

+ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

+ Hoạt động của HĐQT .

Hội đồng quản trị công ty luôn tuân thủ các quy định nội bộ và Điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Ban điều hành .

+ HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo định kỳ (mỗi quý một lần). Các cuộc họp đều diễn ra nghiêm túc, đúng quy định, đầy đủ thành phần với nội dung thiết thực. Các nội dung đưa ra bàn bạc đều được thống nhất và biểu quyết với tỷ lệ đồng thuận cao và đã trở thành nghị quyết của HĐQT. Điều này cho thấy trong HĐQT có sự thống nhất cao. Cụ thể năm 2021 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp .

+ **Lần thứ nhất:** Họp HĐQT vào ngày 27/01/2021.

Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch và giải pháp kinh doanh năm và quý I năm 2021.

Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2021 và tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022

+ **Lần thứ hai:** Họp HĐQT vào ngày 31/03/2021

- Thông qua việc ủy quyền cho ông Phạm Đình Thuận - Giám đốc công ty sử dụng tài sản (CSVC) của công ty để thế chấp và thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn ngân hàng phục vụ cơ hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ **Lần thứ ba:** Họp HĐQT vào ngày 25/6/2021.

- Thông qua kết quả thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch Quý III năm 2021

- Thông qua việc giao đơn giá tiền lương năm 2021 cho công ty là 1,967đ/đ lợi nhuận.

- Thông qua việc chọn công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC – Đơn vị kiểm toán độc lập có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính, phù hợp với DHCD thường niên năm 2021 để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của công ty.

+ **Lần thứ tư:** Họp HĐQT vào ngày 26/10/2021.

- Thông qua kết quả SXKD 9 tháng và kế hoạch Quý IV năm 2021;

- Thống nhất thông qua việc giảm tiền phân chia lợi nhuận đối với các đối tác liên kết kinh doanh do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh CoVid -19.

b- Về công tác giám sát đối với Ban Điều hành và cán bộ quản lý.

Ngoài việc tiến hành kiểm tra giám sát theo chức trách của từng thành viên HĐQT, việc phân công 02 thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành quản lý Công ty, giữ các chức vụ Giám đốc và Kế toán trưởng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành BDH và các cán bộ quản lý. Do đó, các thành viên HĐQT đã nắm sâu sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, của HĐQT. Kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh các mặt hoạt động của BDH và cán bộ quản lý khi có biểu hiện sai lệch.

Do vậy, các mặt hoạt động của BDH và cán bộ quản lý đều đi đúng hướng, vì lợi ích chung của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, của HĐQT và đúng pháp luật, chưa có trường hợp nào sai trái, mang tính chất vụ lợi.

+ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là hai thành viên đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và một thành viên đại diện cho Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng. Ba thành viên này tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT được tổ chức và rất có trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc.

Ngoài ra, các thành viên trên còn tích cực và thường xuyên, nắm bắt các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có đề xuất phát huy hoặc chấn chỉnh một cách kịp thời

+ Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên. Trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

+ Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cân trọng trong quản lý, điều hành Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Cùng với đơn vị kiểm toán, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm của Công ty

- Trên cơ sở nắm chắc tình hình thực tế, hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.

- Hàng tháng, quý trực tiếp tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, tiền gửi, kho hàng hóa.

- Hàng quý, năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định và có ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

+ Thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 là: 71.520.000đ

+ Lương và thu nhập của Ban điều hành : Tổng tiền lương và thu nhập của Ban Giám đốc nhận trong năm 2021 là : 675.997.500đ.

Trong đó: - Giám đốc: 383.946.000đ

- Kế toán trưởng: 292.051.500đ

+ Tiền thưởng : Được hưởng theo Quy chế khen thưởng chung của Công ty.

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

+ Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 08/03/2022 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Thái Thị Ánh Nhung – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3313-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VNI
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.203.635.614	13.500.196.18
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		292.422.655	2.053.287.48
1. Tiền	111	5	292.422.655	2.053.287.48
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.500.000.000	4.000.000.00
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	5.500.000.000	4.000.000.00
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.907.960.490	2.306.941.16
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.682.580.796	2.091.864.02
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	22.000.000	13.846.77
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	284.118.575	287.312.26
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(80.738.881)	(86.081.909)
IV. Hàng tồn kho	140	11	12.441.214.874	5.122.183.93
1. Hàng tồn kho	141		12.757.615.183	5.369.355.97
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(316.400.309)	(247.172.042)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.037.595	17.783.60
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	19.432.125	17.783.60
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		42.605.470	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.321.717.078	4.311.415.02
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.840.958.114	4.165.283.15
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	674.629.191	901.557.96
- Nguyên giá	222		5.593.238.150	5.668.238.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.918.608.959)	(4.766.680.187)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.166.328.923	3.263.725.19
- Nguyên giá	228		4.038.215.400	4.038.215.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(871.886.477)	(774.490.205)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		480.758.964	146.131.87
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	480.758.964	146.131.87
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.525.352.692	17.811.611.21

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.431.557.740	4.241.671.407
I. Nợ ngắn hạn	310		10.341.557.740	4.193.671.407
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.054.388.887	2.135.184.838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	7.305.395	90.539.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	237.287.614	123.261.525
4. Phải trả người lao động	314		1.954.577.214	1.451.122.770
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.465.817	199.416
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	40.000.000	33.145.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	203.858.329	233.550.186
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	3.555.543.808	10.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		287.130.676	116.667.669
II. Nợ dài hạn	330		90.000.000	48.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	90.000.000	48.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.093.794.952	13.569.939.803
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.093.794.952	13.569.939.803
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	869.439.024	801.184.688
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.959.615.928	1.504.015.115
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tru	421a		386.142.272	138.928.399
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.573.473.656	1.365.086.716
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.525.352.692	17.811.611.210

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	65.525.999.722	62.033.728.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.634.327	1.328.571
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		65.522.365.395	62.032.399.700
4. Giá vốn hàng bán	11	25	57.837.960.456	55.380.001.250
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.684.404.939	6.652.398.450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	570.427.120	468.198.846
7. Chi phí tài chính	22	27	279.746.680	123.260.625
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		279.746.680	123.260.625
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	3.300.036.416	2.956.349.715
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	2.864.808.650	2.549.005.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.810.240.313	1.491.981.940
11. Thu nhập khác	31	29	208.439.517	125.813.620
12. Chi phí khác	32	30	28.706.933	20.329.302
13. Lợi nhuận khác	40		179.732.584	105.484.318
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.989.972.897	1.597.466.258
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	416.499.241	232.379.542
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.573.473.656	1.365.086.716
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.215	1.115
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.215	1.115

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		65.856.693.239	61.816.953.280
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(65.676.415.550)	(55.888.024.310)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.469.269.200)	(2.704.623.767)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	26	(278.480.279)	(123.395.323)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(249.120.286)	(230.339.722)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.235.533.727	2.018.867.491
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.445.922.566)	(1.670.069.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.026.980.915)	3.219.367.954
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(414.666.179)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(16.500.000.000)	(8.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	15.000.000.000	6.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,26	475.818.960	290.301.280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.438.847.219)	(1.709.698.720)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		56.176.931.412	44.937.767.725
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.631.387.604)	(44.937.767.725)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,21	(840.580.500)	(792.721.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.704.963.308	(792.721.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.760.864.826)	716.947.934
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.053.287.481	1.336.339.547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		292.422.655	2.053.287.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này được điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn. Chi tiết: In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số

200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chững.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	8 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCD vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Thời gian khấu hao TSCD vô hình tại công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%. Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp do có doanh thu không vượt quá 200 tỷ đồng theo hướng dẫn tại Nghị định 114/2020 ND-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	2.995.790	333.318.694
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	289.426.865	1.719.968.787
Cộng	292.422.655	2.053.287.481

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	5.500.000.000	5.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	5.500.000.000	5.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các Ngân hàng. Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Trường THCS Thị Trấn Phù Mỹ	173.100.000	-
Võ thị Cẩm Liên (Q. Hoài Ân)	183.503.042	124.363.198
Lê Chương Thảo (Cửa hàng 98 Vũ Bảo)	558.458.169	542.379.758
Các đối tượng khác	767.519.585	1.425.121.073
Cộng	1.682.580.796	2.091.864.029

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	22.000.000	-
Các đối tượng khác	-	13.846.778
Cộng	22.000.000	13.846.778

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công đoàn Công ty	86.800.500	-	157.738.000	-
Lãi dự thu	156.482.192	-	109.633.328	-
Phải thu khác	40.835.883	-	19.940.938	-
Cộng	284.118.575	-	287.312.266	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	80.738.881	86.081.909
- Từ 3 năm trở lên	80.738.881	86.081.909
Cộng	80.738.881	86.081.909

b. Nợ xấu

	31/12/2021			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	80.738.881	-		
- Nguyễn Thị Liễu	52.960.912	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	80.738.881	-		

	01/01/2021			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	82.235.131	-		
- Nguyễn Thị Liễu	54.457.162	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Thu hồi chậm
Trả trước cho người bán	3.846.778	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	86.081.909	-		

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	66.121.527		127.393.602	-
Công cụ, dụng cụ	817.811	-	3.839.114	-
Thành phẩm	21.438.384	-	55.139.376	-
Hàng hóa	12.669.237.461	(316.400.309)	5.182.983.881	(247.172.042)
Cộng	12.757.615.183	(316.400.309)	5.369.355.973	(247.172.042)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021 là 316.400.309 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2021.

12. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí bảo hiểm	19.432.125	14.658.606
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	3.125.000
Cộng	19.432.125	17.783.606

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	106.407.552	122.894.548
Chi phí sửa chữa văn phòng	374.351.412	15.323.572
Phí sử dụng đường bộ	-	7.913.750
Cộng	480.758.964	146.131.870

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	75.000.000	5.668.238.150
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	75.000.000	75.000.000
Số cuối kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	-	5.593.238.150
Khấu hao				
Số đầu kỳ	4.210.404.605	481.275.582	75.000.000	4.766.680.187
Khấu hao trong kỳ	101.634.113	125.294.659	-	226.928.772
Giảm trong kỳ	-	-	75.000.000	75.000.000
Số cuối kỳ	4.312.038.718	606.570.241	-	4.918.608.959
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	230.714.454	670.843.509	-	901.557.963
Số cuối kỳ	129.080.341	545.548.850	-	674.629.191

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 34.238.031 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.821.129.761 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2021.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Khấu hao			
Số đầu kỳ	757.823.538	16.666.667	774.490.205
Khấu hao trong kỳ	80.729.605	16.666.667	97.396.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	838.553.143	33.333.334	871.886.477
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3.230.391.862	33.333.333	3.263.725.195
Số cuối kỳ	3.149.662.257	16.666.666	3.166.328.923

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Xuất Nhập khẩu Bình Tây	1.013.454.912	12.876.951
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	495.589.429	-
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TPHCM	467.489.454	569.858.964
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	449.268.000	88.827.600
Các đối tượng khác	1.628.587.092	1.463.621.323
Cộng	4.054.388.887	2.135.184.838

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư	251.556.886	64.420.673
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	148.836.168	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư	467.489.454	569.858.964
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	28.610.622	57.718.607
Cộng		896.493.130	691.998.244

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Học bổng Tâm Châu - Hoài Ân	4.300.000	-
Các đối tượng khác	3.005.395	90.539.548
Cộng	7.305.395	90.539.548

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	54.119.212	181.809.554	217.661.482	-	18.267.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	51.641.375	416.499.241	249.120.286	-	219.020.330
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.500.938	83.423.955	139.991.062	39.066.169	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	213.167.749	216.707.050	3.539.301	-
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Cộng	-	123.261.525	906.900.499	835.479.880	42.605.470	237.287.614

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	40.000.000	33.145.455
Cộng	40.000.000	33.145.455

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	7.916.598	8.471.605
Nhận ký cược, ký quỹ	78.000.000	120.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	117.941.731	105.078.581
- Cổ tức phải trả	21.420.500	17.145.500
- Phải trả khác	96.521.231	87.933.081
Cộng	203.858.329	233.550.186

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	48.000.000
Cộng	90.000.000	48.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	10.000.000	56.176.931.412	52.631.387.604	3.555.543.808
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Bình Định	10.000.000	56.176.931.412	52.631.387.604	3.555.543.808
Cộng	10.000.000	56.176.931.412	52.631.387.604	3.555.543.808

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	11.264.740.000	801.483.989	926.562.297	12.992.786.286
Tăng trong kỳ	-	(299.301)	1.365.086.716	1.364.787.415
Giảm trong kỳ	-	-	787.633.898	787.633.898
Số dư tại 31/12/2020	11.264.740.000	801.184.688	1.504.015.115	13.569.939.803
Số dư tại 01/01/2021	11.264.740.000	801.184.688	1.504.015.115	13.569.939.803
Tăng trong kỳ	-	68.254.336	1.573.473.656	1.641.727.992
Giảm trong kỳ	-	-	1.117.872.843	1.117.872.843
Số dư tại 31/12/2021	11.264.740.000	869.439.024	1.959.615.928	14.093.794.952

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
Cộng	11.264.740.000	11.264.740.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.504.015.115	926.562.297
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.573.473.656	1.365.086.716
Phân phối lợi nhuận	1.117.872.843	787.633.898
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	844.855.500	787.633.898
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	844.855.500	788.531.800
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(299.301)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(598.601)
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	273.017.343	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	68.254.336	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	204.763.007	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.959.615.928	1.504.015.115

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHCD ngày 31/03/2021.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 31/03/2021 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 7,5% vốn điều lệ (tương ứng 844.855.500 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2021.

22. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước là giá trị còn lại của các tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng; trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán sách	46.813.599.146	44.241.382.000
Doanh thu thiết bị giáo dục	17.585.667.621	16.352.473.669
Doanh thu khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	1.126.732.955	1.439.872.602
Cộng	65.525.999.722	62.033.728.271

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	3.634.327	1.328.571
Cộng	3.634.327	1.328.571

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn bán sách	42.620.404.192	40.625.073.499
Giá vốn thiết bị giáo dục	14.861.982.471	14.446.008.951
Giá vốn khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	286.345.526	285.868.735
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	69.228.267	23.050.065
Cộng	57.837.960.456	55.380.001.250

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	522.667.824	329.369.331
Chiết khấu thanh toán	47.759.296	138.829.515
Cộng	570.427.120	468.198.846

27. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	279.746.680	123.260.625
Cộng	279.746.680	123.260.625

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	2.733.503.881	2.287.222.778
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	202.694.833	217.014.492
Các khoản khác	363.837.702	452.112.445
Cộng	3.300.036.416	2.956.349.715

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	1.532.874.324	1.239.049.334
Chi phí thuê đất	174.403.804	253.047.941
Các khoản khác	1.157.530.522	1.056.907.741
Cộng	2.864.808.650	2.549.005.016

29. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu tiền điện, nước	30.263.254	44.039.554
Tiền hỗ trợ tuyên truyền, quảng cáo	175.500.000	9.111.818
Các khoản thu nhập khác	2.676.263	72.662.248
Cộng	208.439.517	125.813.620

30. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	20.000.000
Xử lý công nợ	10.046.049	-
Chi phí khác	160.884	329.302
Cộng	28.706.933	20.329.302

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.989.972.897	1.597.466.258
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	92.523.308	62.387.614
- Điều chỉnh tăng	92.523.308	62.387.614
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	20.000.000
+ Phụ cấp Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	42.071.000	42.071.000
+ Các khoản chi phí không được trừ	31.952.308	316.614
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.082.496.205	1.659.853.872
Chi phí thuế TNDN	416.499.241	331.970.774
Thuế TNDN được giảm 30% theo ND 114/2020	-	99.591.232
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	416.499.241	232.379.542
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	416.499.241	232.379.542

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.573.473.656	1.365.086.716
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(204.763.007)	(109.007.329)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	204.763.007	109.007.329
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.368.710.649	1.256.079.387
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.215	1.115

Lãi cơ bản, suy giảm năm trên cổ phiếu được tính theo số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của Hội đồng quản trị; số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào phê duyệt chính thức của Đại hội cổ đông về việc trích các quỹ này.

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.895.747	181.995.854
Chi phí nhân công	4.269.138.205	3.532.782.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	324.325.044	327.164.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.213.234	294.054.534
Chi phí khác bằng tiền	1.380.006.170	1.483.688.616
Cộng	6.298.578.400	5.819.685.912

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.054.388.887	-	4.054.388.887
Chi phí phải trả	1.465.817	-	1.465.817
Vay và nợ thuê tài chính	3.555.543.808	-	3.555.543.808
Phải trả khác	195.941.731	90.000.000	285.941.731
Cộng	7.807.340.243	90.000.000	7.897.340.243
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.135.184.838	-	2.135.184.838
Chi phí phải trả	199.416	-	199.416
Vay và nợ thuê tài chính	10.000.000	-	10.000.000
Phải trả khác	225.078.581	48.000.000	273.078.581
Cộng	2.370.462.835	48.000.000	2.418.462.835

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.422.655	-	292.422.655
Đầu tư tài chính	5.500.000.000	-	5.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.601.841.915	-	1.601.841.915
Phải thu khác	197.318.075	-	197.318.075
Cộng	7.591.582.645	-	7.591.582.645

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.053.287.481	-	2.053.287.481
Đầu tư tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.009.628.898	-	2.009.628.898
Phải thu khác	129.574.266	-	129.574.266
Cộng	8.192.490.645	-	8.192.490.645

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	12.453.481.406	12.746.167.594
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	29.326.606.304	23.275.063.049
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Mua hàng	906.983.095	850.022.137
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Mua hàng	808.277.380	1.060.552.690

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2021	Năm 2020
Lương của Ban Giám đốc	295.465.000	280.264.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	71.520.000	71.520.000

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Chuẩn